

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2018/ HNGĐ-ST

Ngày 10/8/2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 228/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:146/ 2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trương Thị V, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 258G, Lý Thường K, phường 5, thành phố Mỹ Th, tỉnh Tiền G.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Thạnh 2, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị V trình bày:

Trước đây bà, ông Nguyễn Văn N đều đã có gia đình riêng có con và đã ly hôn, sau đó bà gặp và quen biết ông N thời gian khoảng 6 tháng, tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2016, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 17/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L. Sau khi cưới bà và ông N sống chung với gia đình ông N, thời gian đầu chung sống cũng có hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông thường xuyên đi chơi với bạn bè, không chung thủy trong đời sống vợ chồng, bà đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông N không nghe. Nhận thấy chung sống với ông N không còn hạnh phúc đầu năm 2018 bà đã thuê nhà trọ ở xã Vĩnh B, huyện Chợ Lá, tỉnh Bến Tr sinh sống cho đến nay. Ông N kêu bà làm đơn ly hôn trả tự do cho nhau, vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông N.

Con chung: không có.

Tài sản chung và nợ chung không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã trực tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án hai lần, nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không làm văn bản nêu ý kiến của mình.

Tại phiên tòa: nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Bà Trương Thị V khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn N, nơi cư trú: ấp Phú Thạnh 2, xã Đồng Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Bà Trương Thị V và ông Nguyễn Văn N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đồng Ph, huyện Long H,

tỉnh Vĩnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/4/2017, hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V, xét thấy:

Sau khi cưới bà V và ông N chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông N không quan tâm đến bà V, không cùng chí hướng xây dựng gia đình, bà V có khuyên ông N nhưng không đạt kết quả. Vì vậy bà V đã thuê nhà sinh sống riêng, không còn chung sống với ông N từ đầu năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa bà V trình bày từ đầu năm 2018 đến nay ông N và bà không gặp nhau bàn bạc hàn gắn tình cảm cũng không liên lạc với nhau, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà V và ông N không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà V được ly hôn ông N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà V khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, các Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị V. Cho bà V được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: buộc bà Trương Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001555 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Bà V đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ánh Bình